TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2025/DS-ST
Ngày: 26-11-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm

Ông Lê Thiện Đào Duyên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp.

Vào ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phúc Thiên Nh, sinh ngày 06/10/2002.

Địa chỉ: Số 257A Khóm Sa Giang, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nh là ông Nguyễn Kim Ph, sinh ngày 04/7/1967. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/7/2025 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 427/3A đường Trần Hưng Đạo, khóm Sa Giang, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: 1. Anh Trần Thế V, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

2. Chị Phan Thị Đặng D, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 502 đường Trần Hưng Đạo, khóm Sa Giang, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện tại: Số 125 khóm Phú Hòa, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Phúc Thiên Nh có ông Nguyễn Kim Ph đại diện trình bày:

Nguyễn Phúc Thiên Nh và vợ chồng anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên là bạn bè nên anh V và chị D mượn tiền của Nhi nhiều lần, hứa mượn vài ngày sẽ trả nên các bên cũng không làm giấy tờ. Theo đó có lần thì chị Nh đưa tiền mặt, còn lại phần lớn chị Nh đều chuyển khoản cho anh V và chị D thời gian bắt đầu từ ngày 06/6/2024 đến ngày 11/6/2025 với tổng số tiền là 13.300.000 đồng, trong đó chứng từ chuyển tiền qua dịch vụ Ngân hàng là 10.450.000 đồng, còn lại là cho mượn tiền mặt không có giấy tờ. Nhiều lần chị Nh nhắn tin, gọi điện thoại yêu cầu vợ chồng anh V, chị D trả thì họ chỉ hứa nhưng không thực hiện.

Tòa án đã mời vợ chồng của anh V và chị D nhiều lần từ giai đoạn hòa giải viên đến khi Tòa án thụ lý vụ án nhưng anh V, chị D không đến và không có thiện chí trả nợ mà cố tình tránh né.

Theo đơn khởi kiện thì chị Nguyễn Phúc Thiên Nh yêu cầu anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên liên đới trả cho chị Nh số tiền vay còn thiếu là 13.300.000 đồng, không yêu cầu trả lãi chậm trả. Nay chị Nh thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu anh V và chị D trả số tiền 10.450.000 đồng (có chứng từ giao dịch Ngân hàng) còn số tiền 2.850.000 đồng đưa tiền mặt thì xin rút lại.

Bị đơn anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh V và chị D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Phúc Thiên Nh yêu cầu anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên trả cho chị Nh số tiền vay còn thiếu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số 502 đường Trần Hưng Đạo, khóm Sa Giang, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện tại: Số 125 ấp Phú Hòa, xã

Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp nên theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phúc Thiên Nh, Hội đồng xét thấy như sau:

Qua lời khai của chị Nh cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xác định:

Do quen biết nên chị Nh có cho vợ chồng anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên mượn tiền nhiều lần, hứa mượn vài ngày sẽ trả nên các bên cũng không làm giấy tờ. Theo đó có lần thì chị Nh đưa tiền mặt, còn lại phần lớn chị Nh đều chuyển khoản cho anh V và chị D thời gian bắt đầu từ ngày 06/6/2024 đến ngày 11/6/2025.

Theo chứng từ chuyển tiền qua dịch vụ Ngân hàng thì chị Nh đã chuyển cho anh V và chị D các khoản tiền sau: Giao dịch chuyển tiền ngày 06/6/2024 số tiền 1.000.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 17/7/2024 số tiền 100.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 20/7/2024 số tiền 400.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 02/8/2024 số tiền 350.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 02/8/2024 số tiền 500.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 06/8/2024 số tiền 400.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 18/8/2024 số tiền 200.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 22/8/2024 số tiền 300.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 25/8/2024 số tiền 100.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 25/8/2024 số tiền 300.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 15/9/2024 số tiền 2.000.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 18/9/2024 số tiền 1.000.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 19/9/2024 số tiền 200.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 20/9/2024 số tiền 250.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 11/12/2024 số tiền 550.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 25/12/2024 số tiền 500.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 26/12/2024 số tiền 500.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 22/01/2025 số tiền 400.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 24/01/2025 số tiền 500.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 25/01/2025 số tiền 300.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 25/01/2025 số tiền 200.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 30/12/2024 số tiền 100.000 đồng. Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 10/6/2025 số tiền 100.000 đồng; Kết quả giao dịch chuyển tiền ngày 11/6/2025 số tiền 200.000 đồng, tổng cộng là 10.450.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với số tiền 2.850.000 đồng chị Nh cho rằng đưa tiền mặt cho anh V,

chị D nhưng không có giấy tờ gì chứng minh và chị Nh xin rút lại đối với số tiền này. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra xem xét.

Còn phía bị đơn, từ giai đoạn giải quyết theo thủ tục hòa giải viên, đến khi Tòa án thụ lý vụ án mặc dù Thẩm phán đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh V, chị D như Thông báo thụ lý, Thông báo đương sự trình bày ý kiến, Thông báo hòa giải ... có lần anh V, chị D ký nhận, có lần thì người thân nhận thay nhưng anh V, chị D không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố dụng dân sự quy định: *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

Đồng thời, cũng theo khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố dụng dân sự thể hiện: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.*

Việc anh V, chị D không đến Tòa án trình bày ý kiến xem như anh V chị D đã từ bỏ quyền được trình bày ý kiến và từ bỏ quyền lợi của mình liên quan khoản tiền mà chị Nh đang kiện. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp đã đủ cơ sở buộc anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Phúc Thiên Nh trả số tiền vay còn thiếu là 10.450.000 đồng.

[2.2] Việc anh V và chị D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Vì từ giai đoạn giải quyết theo thủ tục hòa giải viên đến khi Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng thì các văn bản tố tụng đều được tống đạt hợp lệ, có lần anh V, chị D nhận, còn lần người thân nhận thay nên việc anh V, chị D vắng mặt là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định trên cũng như xem xét tài liệu có trong hồ sơ để buộc anh V, chị D có nghĩa vụ trả cho chị Nh các khoản tiền còn thiếu.

[2.3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Phúc Thiên Nh nên anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phúc Thiên Nh. Buộc anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Phúc Thiên Nh số tiền vay còn thiếu 10.450.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Thế V, chị Phạm Thị Đặng Duyên liên đới chịu 522.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Phúc Thiên Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 333.000 đồng theo biên lai thu số 0003203 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND KV8-ĐT;
- Phòng THADS KV8-ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Văn Bình